

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 5 - 2021

*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Giang;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đới Văn Trinh

2. Ông Dương Văn Sinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 409/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/4/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị T, sinh năm 1981;

ĐKKHKT: Khu dân cư N, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương;

Nơi ở hiện nay: Khu dân cư V, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn C, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Khu dân cư N, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

* Người làm chứng: Anh Trương Mạnh T, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Khu dân cư V, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Chị T, anh C, anh T đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/12/2020, bản tự khai và ý kiến tại các buổi làm việc với Tòa án, chị Trương Thị T trình bày:

Chị và anh Hoàng Văn C đăng ký kết hôn ngày 01/01/2007 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C (nay là phường C, thành phố C) trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, vợ chồng

chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh C ở khu dân cư N, phường C. Đến năm 2015, vợ chồng chuyển về ở nhờ trên đất của bố mẹ chị T ở khu dân cư V, phường C. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2008, sau khi chị sinh con, anh C bắt đầu chơi bời, cờ bạc, không quan tâm đến vợ con. Chị khuyên bảo thì anh C còn đánh chị. Đến năm 2016, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng. Anh C tiếp tục chơi bời, nợ nần. Nhiều lần để xã hội đen đến nhà đòi nợ. Gia đình khuyên bảo anh C cũng không chịu thay đổi. Sau đó, đến năm 2017, anh C bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn V, phường C ở một thời gian rồi bỏ ra ngoài làm ăn, thỉnh thoảng mới về nhà, sau đó lại đi luôn. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Chị xác định vợ chồng không còn tình cảm và không thể về đoàn tụ được. Do vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Thị Thu L, sinh ngày 25/6/2008 và Hoàng Sơn L, sinh ngày 26/11/2014. Nếu ly hôn chị đề nghị giao 02 con cho chị được tiếp tục nuôi dưỡng. Lý do chị xin được nuôi cả 02 con chung vì hiện tại chị làm công nhân may tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn phát triển và dịch vụ thương mại K, thu nhập bình quân khoảng 6.000.000đ/tháng. Các con ở với chị từ bé đến nay, được chị chăm sóc tốt. Bố mẹ chị cũng tạo điều kiện hỗ trợ chị về chỗ ở cũng như hỗ trợ chăm sóc các con khi chị đi làm. Hơn nữa, anh C đi làm xa, lại hay nợ lẩn, quan hệ xã hội phức tạp nên không tiện cho việc chăm sóc các con. Theo chị được biết, anh C vẫn đang đi làm tại Bắc Ninh, địa chỉ cụ thể chị không nắm được. Để đảm bảo việc ăn học, sinh hoạt của các con tốt nhất, chị yêu cầu anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với chị đối với cả 02 con chung, mỗi con chung là 1.000.000đ/tháng, kể từ tháng 5/2021 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về quan hệ tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh Hoàng Văn C đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến làm việc.

- Tại bản tự khai ngày 14/3/2021, các cháu Hoàng Thị Thu L và Hoàng Sơn L đều trình bày có nguyện vọng xin được ở với mẹ.

- Anh Trương Mạnh T - anh trai chị T xác định: Khoảng năm 2016, chị T, anh C phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh C chơi bời, không chịu tu chí làm ăn, nợ lẩn nhiều. Có lần xã hội đen kéo đến nhà đe dọa chị T để đòi tiền, anh và gia đình đã phải đến thì những người đó mới chịu bỏ đi. Giữa chị T và anh C sau đó thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát. Gia đình đã hòa giải nhiều nhưng không được. Năm 2017, vợ chồng sống ly thân, anh C chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở khu dân cư N, phường C. Nay chị T xin ly hôn anh C, quan điểm của anh là đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung: Theo anh T nên tiếp tục giao 02 con chung là Hoàng Thị Thu L và Hoàng Sơn L cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng vì các cháu do chị T

trực tiếp nuôi dưỡng từ nhỏ đến nay. Chị T hiện tại đi làm công ty may gần nhà, đủ khả năng để chăm sóc, nuôi dưỡng tốt cho các con. Còn anh C hiện tại ít khi ở nhà, quan hệ xã hội phức tạp, nếu giao con cho anh C nuôi sẽ không đảm bảo điều kiện tốt nhất cho các cháu.

- Tại biên bản xác minh với khu dân cư Nẻo xác định: Năm 2016, giữa chị T và anh C có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng trong việc làm ăn kinh tế do có nhiều người đến đòi nợ anh C. Có lần chị T báo với địa phương là gia đình bị xã hội đen ném cả chất thải vào cửa nhà vì anh C vay nợ không trả. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Sau đó, anh C về nhà bố mẹ đẻ ở rồi bỏ ra ngoài làm ăn, thỉnh thoảng mới về nhà nhưng lại đi ngay. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị T xin ly hôn, quan điểm của địa phương là đề nghị tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung: Địa phương xác định hiện tại 02 con chung là L và L đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Các cháu ngoan ngoãn, được chị T chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Nếu tòa án giải quyết việc ly hôn quan điểm của địa phương là nên giao 02 con cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

- Tại công văn trả lời số 11131/QLXNC-P5 ngày 11/5/2021 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an xác định: Chưa có thông tin xuất cảnh của anh Hoàng Văn C.

Tại phiên tòa:

Chị T vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh C được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Về đường lối giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, khoản 1 Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trương Thị T được ly hôn anh Hoàng Văn C. Về con chung: Xử giao cả 02 con chung là Hoàng Thị Thu L, sinh ngày 25/6/2008 và Hoàng Sơn L, sinh ngày 26/11/2014 cho chị Trương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với chị Trương Thị T đối với cả 02 con chung, mỗi con chung là 1.000.000đ/tháng, kể từ tháng 5/2021 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh C thực hiện

quyền này. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị Trương Thị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà chị T đã nộp theo biên lai thu số: AA/2017/0006765 ngày 25/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Anh Hoàng Văn C phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn, giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa. Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Anh C đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Hoàng Văn C cư trú tại: Khu dân cư N, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Chị Trương Thị T khởi kiện xin ly hôn anh C và đề nghị giải quyết về việc nuôi con chung, do vậy, đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh thụ lý giải quyết vụ án là đúng với thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị T và anh Hoàng Văn C kết hôn với nhau ngày 01/01/2007 trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo các điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C (nay là phường C). Do vậy, hôn nhân của chị T, anh C là hợp pháp. Sau khi kết hôn một thời gian, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong việc làm ăn kinh tế, vay nợ và thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát. Từ năm 2017, chị T và anh C đã sống ly thân và không quan tâm đến nhau. Mặc dù, Tòa án đã triệu tập anh C đến Tòa án nhiều lần, anh C biết nhưng không đến Tòa, thể hiện sự thờ ơ, bỏ mặc tình trạng mâu thuẫn vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy rằng việc chị T, anh C từ năm 2017 đến nay không sống chung, yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia

đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị T xin ly hôn với anh C.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Thị Thu L, sinh ngày 25/6/2008 và Hoàng Sơn L, sinh ngày 26/11/2014. Hiện tại, các con đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung và yêu cầu anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với chị đối với cả 02 con chung, mỗi con chung là 1.000.000đ/tháng, kể từ tháng 5/2021 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét điều kiện hoàn cảnh hiện tại: Chị T đang làm công ty gần nhà, thu nhập 6.000.000đ/tháng, có chỗ ở ổn định; 02 con chung là Hoàng Thị Thu L và Hoàng Sơn L được chị T trực tiếp nuôi dưỡng từ nhỏ đến nay, khỏe mạnh, ngoan ngoãn và được học hành đầy đủ; Anh C làm xa nhà, ít thời gian nuôi dưỡng, chăm sóc các con. Quan điểm nuôi con của chị T phù hợp với nguyện vọng của cháu L, cháu L và phù hợp với điều kiện hoàn cảnh hiện tại của vợ chồng. Do vậy, cần căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận theo yêu cầu của chị T về việc giao 02 con cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi của các con chung. Anh C không trực tiếp nuôi con nên có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với chị T. Hiện nay, mức lương cơ sở là 1.490.000đ/tháng. Anh C hiện tại vẫn khỏe mạnh và đang đi làm bình thường. Căn cứ vào khả năng thực tế của anh C, điều kiện sinh hoạt tại địa phương và nhu cầu thiết yếu của các con chung, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị T yêu cầu anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với chị đối với cả 02 con chung, mỗi con chung là 1.000.000đ/tháng, kể từ tháng 5/2021 đến khi con chung đủ 18 tuổi, là phù hợp với quy định Điều 82, Điều 83, Điều 110, khoản 1 Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[5] Anh C không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[6] Về quan hệ tài sản: Chị T, anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Anh Hoàng Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, khoản 1 Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tổ tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trương Thị T được ly hôn anh Hoàng Văn C.

2. Về con chung: Xử giao cả 02 con chung là Hoàng Thị Thu L, sinh ngày 25/6/2008 và Hoàng Sơn L, sinh ngày 26/11/2014 cho chị Trương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với chị Trương Thị T đối với cả 02 con chung, mỗi con chung là 1.000.000đ/tháng, kể từ tháng 5/2021 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Hoàng Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh C thực hiện quyền này.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trương Thị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà chị T đã nộp theo biên lai thu số: AA/2017/0006765 ngày 25/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Chị T đã nộp đủ án phí.

Anh Hoàng Văn C phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi yêu cầu hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhân:

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- UBND phường C (Đề ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Kim Giang